

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 24-9-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Hoàng S, sinh năm 1982, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Kim C, sinh năm 1979, “có mặt”.

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng A; địa chỉ: số 169 LĐ, Phường HL, Quận HM, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Nguyễn Anh H – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện TB, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2018, quá trình giải quyết và tại phiên tòa - nguyên đơn anh Võ Hoàng S trình bày:

Anh và chị C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Bình. Sau khi cưới, vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất của mẹ anh. Trong thời gian chung sống thì đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ ghen tuông vô cớ và có những lời lẽ xúc phạm đến anh. Ngoài ra, vợ không thật thà, thiếu trung thực trong cuộc sống vợ chồng, cụ thể là việc mất vàng: 02 sợi dây chuyền để chung nhưng bị mất 01 sợi. Anh chịu đựng không nổi mới bỏ nhà ra ngoài thuê nhà trọ ở để đi làm. Vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm nay.

Về con chung: 03 con chung tên Võ Hoàng B, sinh ngày 18/01/1999; Võ Hoàng Tr, sinh ngày 31/12/2001 và Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 04/02/2005; hiện các con đang sống với chị C.

Về tài sản chung: 01 căn nhà Đại đoàn kết cất trên phần đất ngang 09m, dài 31m tọa lạc tại ấp Chánh, xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng A số tiền 37.000.000 đồng, nợ tiềnhui chết bà G mỗi phần 2.000.000 đồng; nợ Ngân hàng B – Chi nhánh huyện TB số tiền 100.000.000 đồng.

Nay anh yêu cầu ly hôn với chị C. Về con chung: Anh giao cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng; riêng cháu Tr đã đi làm nên anh không đồng ý cấp dưỡng. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý cùng chị C trả nợ Ngân hàng A.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - bị đơn chị Phan Thị Kim C trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của chồng chị về thời gian kết hôn, con chung là đúng. Ngoài số tài sản anh S trình bày, vợ chồng còn số tài sản như 01 tủ lạnh, 01 tủ cây đựng tivi và 01 ti vi. Về nợ chung còn nợ bà Trần Thị Cẩm H (mẹ chồng) số tiền 6.000.000 đồng; nợ bà Hồ Đình Thu H1 số tiền 8.000.000 đồng; nợ bà H2 số tiền hui chết 54.000.000 đồng. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị một mình trả nợ tiền hui chết nên không biết hiện còn nợ tiền hui bao nhiêu. Đối với số tiền nợ Ngân hàng B – chi nhánh huyện TB như anh S trình bày là đúng.

Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì cả mà tự dưng anh S bỏ nhà ra ngoài thuê nhà trọ để sống. Trong thời gian chung sống, chị không có hành động hay lời lẽ gì xúc phạm anh S.

Nay chị yêu cầu đoàn tụ vì còn thương chồng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S thì về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Võ Hoàng Tr, sinh ngày 31/12/2001 và Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 04/02/2005; riêng cháu B đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng 700.000 đồng; cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Chị yêu cầu anh S cùng có trách nhiệm trả nợ với chị.

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2018 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng B huyện TB - ông Lê Nguyễn Anh H trình bày:

- Ngày 12/11/2015, Ngân hàng cho anh S, chị C vay chương trình tín dụng Nước sạch & vệ sinh môi trường nông thôn là 12.0/00.000 đồng; hạn trả cuối cùng vào ngày 12/7/2020; tính đến ngày 21/8/2018 còn dư nợ là 25.000.000 đồng và tiền lãi phải trả là 390.575 đồng.

Ngày 12/7/2017, Ngân hàng cho anh S, chị C vay chương trình tín dụng Hộ mới thoát nghèo là 35.000.000 đồng; hạn trả cuối cùng vào ngày 12/7/2020; tính đến ngày 21/8/2018 còn dư nợ là 12.000.000 đồng và tiền lãi phải trả là 745.891 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh S, chị C trả tiền gốc là 37.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/8/2018 là 1.136.466 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự;

Về hôn nhân: Giao cháu Tr và cháu T cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Riêng cháu B đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Anh S, chị C có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 37.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Anh S và chị C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Bình nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau. Qua xác minh chính quyền địa phương không thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh S, chị C. Tuy nhiên, anh S đã bỏ nhà đi từ tháng 01/2018 đến nay. Nay anh S vẫn giữ yêu cầu ly hôn, chị C yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương chồng. Xét yêu cầu xin đoàn tụ của chị C thấy rằng, chị C yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc, thể hiện vợ chồng sống ly thân gần 01 năm nay nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Ngoài ra, tại phiên tòa chị C cho rằng anh S ngoại tình nhưng không có chứng cứ chứng minh. Điều đó cho thấy, vợ chồng anh S,

chị C đã mất lòng tin với nhau. Do đó, yêu cầu xin đoàn tụ của chị C là không có cơ sở chấp nhận. Xét tình trạng vợ chồng giữa anh S và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Hoàng B, sinh ngày 18/01/1999; Võ Hoàng Tr, sinh ngày 31/12/2001 và Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 04/02/2005; hiện các con đang sống với chị C. Qua hỏi ý kiến của cháu Tr, cháu T có nguyện vọng theo sống với chị C. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu Tr, cháu T cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng Võ Hoàng B, sinh ngày 18/01/1999 đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng 700.000 đồng; cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị C, buộc anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ. Tuy nhiên, anh S làm mướn thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng, chị C yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng là không phù hợp với điều kiện và khả năng của anh S. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng cho cháu T là 1.000.000 đồng.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đối với nợ tiền hụi bà Gái; nợ Ngân hàng B— chi nhánh huyện TB; nợ bà Trần Thị Cẩm H; nợ bà Hồ Đình Thu H1; nợ bà H2. Qua làm việc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Đối với Ngân hàng A yêu cầu vợ chồng anh S, chị C trả số tiền gốc và lãi suất (tính đến ngày 21/8/2018) là 38.136.466 đồng. Xét thấy, vợ chồng anh S, chị C đều xác nhận có nợ và đồng ý trả nên căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; anh S, chị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi suất (tính đến ngày 21/8/2018) là 38.136.466 đồng. Trong đó, anh S có nghĩa vụ trả số tiền 19.136.466 đồng, chị C có nghĩa vụ trả số tiền 19.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng và 957.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

Chị C phải chịu 950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Hoàng S đối với chị Phan Thị Kim C.

Anh Võ Hoàng S được ly hôn chị Phan Thị Kim C.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng Tr, sinh ngày 31/12/2001 và Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 04/02/2005 cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Riêng Võ Hoàng B, sinh ngày 18/01/1999 đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr, cháu T mỗi tháng 1.700.000 đồng (cấp dưỡng nuôi cháu Tr 700.000 đồng/tháng; cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tr, cháu T đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Anh S, chị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi suất (tính đến ngày 21/8/2018) là 38.136.466 đồng. Trong đó, anh S có nghĩa vụ trả số tiền 19.136.466 đồng, chị C có nghĩa vụ trả số tiền 19.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí: Anh Võ Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.557.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009931 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; anh S phải nộp tiếp số tiền án phí 1.257.000 đồng.

Chị C phải chịu 950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm